|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mẫu số 01G (Webform trên Hệ thống)**  **PHẠM VI CUNG CẤP** *(áp dụng đối với loại hợp đồng hỗn hợp)*  Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ theo bảng sau:  **I. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo kết quả đầu ra**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Danh mục dịch vụ** | **Mô tả dịch vụ** | **Khối lượng mời thầu** | **Đơn vị tính** | **Địa điểm thực hiện dịch vụ** | **Ngày hoàn thành  dịch vụ** | | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | | 1 |  |  |  |  |  |  | | 2 |  |  |  |  |  |  | | ... |  |  |  |  |  |  |   **II. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Danh mục dịch vụ** | **Mô tả dịch vụ** | **Khối lượng mời thầu** | **Đơn vị tính** | **Địa điểm thực hiện dịch vụ** | **Ngày hoàn thành  dịch vụ** | | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | | **I** | **Các hạng mục** |  |  |  |  |  | | 1 |  |  |  |  |  |  | | 2 |  |  |  |  |  |  | | ... |  |  |  |  |  |  | | **II** | **Chí phí dự phòng cho khối lượng phát sinh (8)** |  | *b1%* |  |  |  |   **III. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Danh mục dịch vụ** | **Mô tả dịch vụ** | **Khối lượng mời thầu** | **Đơn vị tính** | **Địa điểm thực hiện dịch vụ** | **Ngày hoàn thành  dịch vụ** | | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | | **I** | **Các hạng mục** |  |  |  |  |  | | 1 |  |  |  |  |  |  | | 2 |  |  |  |  |  |  | | ... |  |  |  |  |  |  | | **II** | **Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá(9)** |  | *b2%* |  |  |  | |
| **IV. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo thời gian**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Danh mục dịch vụ** | **Mô tả dịch vụ** | **Khối lượng mời thầu/ngày (tháng)** | **Số ngày thực hiện** | **Đơn vị tính** | **Địa điểm thực hiện dịch vụ** | | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | | **I** | **Các hạng mục** |  |  |  |  |  | | 1 |  |  |  |  |  |  | | 2 |  |  |  |  |  |  | | ... |  |  |  |  |  |  | | **II** | **Chí phí dự phòng cho khối lượng phát sinh theo thời gian(8)** |  | b1% | |  |  |   Ghi chú:  (1), (2), (4), (5), (6), (7) Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục công việc cụ thể, đơn vị tính, khối lượng, địa điểm thực hiện dịch vụ, ngày hoàn thành để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.  (3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương V hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyển…) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.  (8) Ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh (b1%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b1%) nhân với chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.  (9) Ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá (b2%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b2%) nhân với chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế và có trượt giá.  *Trường hợp gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các dịch vụ như Mẫu này.* |